

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-09-2025
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Ngọc Phương;
- Ông Lê Văn Công.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2025/QĐST-HNGĐ ngày tháng năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1994; thường trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ấp M, xã P, tỉnh An Giang), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn S, sinh năm 1987; thường trú: Ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (nay là Ấp M, xã P, tỉnh An Giang); tạm trú: Nhà trọ M, C, đường N, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Nhà trọ M, C9/22, đường N, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/03/2025, bản tự khai bà Huỳnh Thị Ngọc C trình bày:

Bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S quen biết nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang theo số 81/2021 ngày 21/10/2011.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung đã nhiều lần tạo cơ hội hàn gắn gia đình nhưng không thành. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Thị Ngọc C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Văn S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 01 con chung tên là Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011. Hiện nay cháu Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011 đã chết. Giữa bà bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con.

Bị đơn ông Trương Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân cho bà C được ly hôn với ông S; về con chung: con chung tên là Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011. Hiện nay cháu Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011 đã chết. Giữa bà bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng có 01 con chung đã chết nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại: C, đường N, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Nhà trọ M, C9/22, đường N, tổ A, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trương Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và xem như bị đơn từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S1 quen biết nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang theo số 81/2021 ngày 21/10/2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Huỳnh Thị Ngọc C xác định giữa bà và ông Trương Văn S thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C xác định không còn tình cảm với ông S, không muốn đoàn tụ hàn gắn gia đình. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau mỗi người đã ở riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau và bà Huỳnh Thị Ngọc C xác định không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông Trương Văn S tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Trương Văn S vẫn

từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình, không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Ngọc C.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 01 con chung tên là Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011. Hiện nay cháu Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011 đã chết. Giữa bà bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc C.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc C đối với bị đơn ông Trương Văn S về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc C được ly hôn với ông Trương Văn S.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 01 con chung tên là Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011. Hiện nay cháu Trương Quốc D, sinh ngày 09/12/2011 đã chết. Giữa bà bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Trương Văn S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001258 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hạnh